CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên khoản mua sắm

DỊCH VỤ KẾT NỐI

VỚI HỆ THỐNG TRUNG TÂM XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

Chủ đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

Hà Nội, Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên khoản mua sắm: **Dịch vụ kết nối với hệ thống trung tâm xác thực điện tử**

Phát hành ngày: **Ngày** 02 **tháng** 11 **năm 2026**

Ban hành kèm theo Quyết định số: 192/2026/QĐ-TGĐ-VBSE01 **ngày** 30 / 10 /**2026.**

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

S.G.P: 133 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK
P. XUÂN ĐỈNH - T.P HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Anh Hào

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Giới thiệu gói thầu

- Tên khoản mua sắm: Dịch vụ kết nối với hệ thống trung tâm xác thực điện tử;
- Tổng giá trị mua sắm (đã bao gồm VAT): 4.980.206.004 VNĐ;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank;
- Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 4, tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại Giao, P. Xuân Đỉnh, TP. Hà Nội;
- Địa điểm trang cấp: Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank;
- Nguồn vốn: Nguồn chi phí hoạt động của Công ty;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ/Tết theo quy định của pháp luật).

2. Tư cách hợp lệ và năng lực kinh nghiệm của nhà thầu:

a. Về điều kiện pháp lý:

- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Hạch toán tài chính độc lập (Có báo cáo tài chính kỳ gần nhất theo kỳ lập báo cáo của Nhà thầu *(Bản chụp)*);
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

b. Về năng lực kinh nghiệm:

- Nhà thầu có đăng ký kinh doanh phù hợp với yêu cầu về cung cấp của gói thầu.
- Trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm hết hạn nộp HSĐX, Nhà thầu đã thực hiện ≥ 01 Hợp đồng về cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hỗ trợ giải pháp và triển khai tích hợp hệ thống có giá trị tối thiểu bằng 30% giá trị Khoản mua sắm đang xét, tương đương 1.494.061.801 VNĐ. Đối với hợp đồng đang thực hiện chưa được nghiệm thu/thanh lý, giá trị hợp đồng dùng để đánh giá là tổng giá trị khối lượng các công việc: cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hỗ trợ giải pháp và triển khai tích hợp hệ thống đã thực hiện và được nghiệm thu tính đến thời điểm hết hạn nộp HSĐX, không bao gồm phần khối lượng chưa thực hiện/chưa được nghiệm thu.

Tài liệu chứng minh kèm theo HSĐX gồm Bản chụp của:

(i) Hợp đồng;

(ii) Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng/Thanh lý hợp đồng *(Đối với hợp đồng đã hoàn thành)*; Tài liệu xác nhận của Chủ đầu tư về khối lượng và giá trị công việc Nhà thầu đã thực hiện tính đến thời điểm hết hạn nộp HSĐX *(Đối với hợp đồng đang thực hiện)*;

(iii) Hóa đơn GTGT.

Ghi chú:

- Thời điểm xác định hợp đồng tương tự là: (i) Thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng (đối với hợp đồng đã hoàn thành); (ii) Thời điểm nghiệm thu hoàn thành công việc tương tự đã thực hiện, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải thỏa mãn các yêu cầu trên (tương ứng với phần công việc đảm nhận).

- Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã thực hiện với tư cách Nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

3. Yêu cầu về cung cấp

3.1. Phạm vi cung cấp

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dịch vụ hạ tầng và bản quyền phần mềm		
1.1	Dịch vụ hạ tầng	Tháng	12
1.2	Bản quyền phần mềm ảo hóa	Gói 12 tháng	1

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
2	Dịch vụ tư vấn và triển khai tích hợp		
2.1	Dịch vụ tư vấn	Gói	1
2.2	Dịch vụ triển khai tích hợp	Gói	1
2.3	Dịch vụ triển khai và đánh giá An ninh an toàn	Gói	1

3.2. Tiến độ cung cấp: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ/Tết theo quy định của pháp luật).

3.3. Yêu cầu về kỹ thuật

Bảng số 01: Bảng mô tả dịch vụ - Yêu cầu đáp ứng

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
1	**Yêu cầu kỹ thuật dịch vụ hạ tầng và bản quyền**	
1.1	**Yêu cầu kỹ thuật dịch vụ hạ tầng**	
1.1.1	**Yêu cầu chung**	- Dịch vụ Cloud phải đạt tiêu chuẩn An toàn Hệ thống Thông tin Cấp độ 4 (Nghị định 85/2016/NĐ-CP & TCVN 11930:2017) - Cung cấp dịch vụ Virtual Private Cloud, đáp ứng tiêu chuẩn bảo mật PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standard) Level 3 trở lên hoặc tương đương, ISO/IEC 27017:2015, ISO/IEC 27018:2019 hoặc tương đương yêu cầu của Trung tâm xác thực RAR - Dịch vụ Cloud phải đảm bảo cơ chế cho phép nâng cấp thay thế phần cứng, phần mềm, thiết bị, cập nhật bản vá lỗi bảo mật không gây gián đoạn dịch vụ. - Hạ tầng dịch vụ Private Cloud phải được triển khai tại các Trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn TIA-942. - Cam kết chất lượng dịch vụ: + Uptime ≥ 99.99% với tất cả dịch vụ hạ tầng trục kết nối không bao gồm server vật lý và HSM. + Hỗ trợ sự cố 24/7. + SLA xử lý sự cố nghiêm trọng: • Thời gian phản hồi ≤ 15 phút. • Thời gian khắc phục sự cố ≤ 04 giờ với máy chủ vật lý (phạm vi áp dụng cho việc thay thế linh kiện máy chủ), ≤ 01 giờ với sự cố HSM, ≤ 01 giờ tất cả dịch vụ hạ tầng trục kết nối kể từ thời điểm xác nhận sự cố (cấp phát tài nguyên, sự cố máy ảo, không bao gồm dựng lại môi trường ứng dụng). - Dịch vụ cho phép triển khai trên các thiết bị đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật, do chủ đầu tư tự trang bị.

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
		- Thời gian sử dụng dịch vụ hạ tầng là 12 tháng kể từ thời điểm Trung tâm RAR/C06 hoàn tất đánh giá an ninh an toàn
1.1.2	**Yêu cầu về quản trị Cloud**	- Phần mềm quản trị Cloud sử dụng các sản phẩm thương mại, có hỗ trợ kỹ thuật chính hãng. - Các thành phần quản trị dịch vụ Cloud phải có dự phòng nóng. - Hệ thống hỗ trợ tích hợp API OpenStack hoặc tương đương và triển khai Infrastructure as Code (IaC) bằng Terraform hoặc tương đương để tự động hóa toàn bộ các nghiệp vụ cấp phát và quản lý tài nguyên dịch vụ. - Hệ thống hỗ trợ tích hợp Single Sign-On (SSO) các giao thức tiêu chuẩn như SAML 2.0, OpenID Connect (OIDC) và quản lý phân quyền (IAM) theo mô hình Role-Based Access Control.
1.1.3	**Yêu cầu về Dịch vụ máy chủ ảo**	- Hỗ trợ hệ điều hành Windows Server, Linux (Ubuntu, Debian) với Images đã được hardening theo CIS. - Cung cấp nhiều cấu hình máy chủ ảo. - Hỗ trợ các tính năng High Availability, Live Migration, Host Affinity/Anti-affinity cho máy chủ ảo. - Giám sát tài nguyên VM (CPU, RAM, Disk, Network) và cảnh báo. - Quản lý Images (Import/Export, Snapshot).
1.1.4	**Yêu cầu về Dịch vụ mạng**	- Có khả năng thiết lập và duy trì đồng thời 02 đường truyền kết nối bảo mật VPN Site-to-Site qua Internet: 01 đường chính về DC và 01 đường dự phòng về DR của Trung tâm xác thực điện tử. - Có tính năng cấu hình mạng ảo tập trung: tạo, xóa, sửa network/subnet/router ảo. - Có khả năng tạo dải mạng ảo cho phép các máy chủ ảo nội bộ kết nối với nhau và tách biệt với các kết nối từ bên ngoài. - Có tính năng tạo các dải mạng cho phép kết nối mạng nội bộ ra bên ngoài khi cần thiết thông qua Virtual Router. - Có khả năng chống DDoS L4 với quy mô 10Gbps (clean traffic: 1Gbps).
1.1.5	**Dịch vụ tường lửa thế hệ mới**	- NGFW triển khai HA Active/Standby hoặc Active/Active, cho phép đồng bộ cấu hình và session. - Kiểm soát truy cập theo ứng dụng/người dùng giữa các vùng mạng (App Zone, AgentGW Zone, MGMT Zone). - Tích hợp IPS/IDS, Antivirus/Anti-malware, Anti-spyware. - Hiệu năng Threat Prevention (bật đồng thời App-ID, IPS,

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
		AV, Anti-spyware, Logging) tối thiểu 1 Gbps. - Bản quyền Threat Prevention/Advanced Threat Prevention và hỗ trợ kỹ thuật chính hãng có hiệu lực trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.
1.1.6	**Dịch vụ cân bằng tải và tường lửa ứng dụng web**	- ADC và WAF trên cùng nền tảng hợp nhất, triển khai HA Active/Standby hoặc Active/Active. - Cân bằng tải L4–L7, health check theo ứng dụng, SSL/TLS offloading (TLS 1.2/1.3). - Giải pháp WAF hỗ trợ bảo vệ ứng dụng Web và API thuộc các nhóm rủi ro OWASP Top 10. - Giải pháp hỗ trợ phát hiện và ngăn chặn bot độc hại, tấn công dò mật khẩu (brute-force) và tấn công từ chối dịch vụ lớp ứng dụng trên HTTP/HTTPS; hỗ trợ tích hợp giải pháp phòng chống credential stuffing. - Bản quyền ADC + WAF và hỗ trợ kỹ thuật chính hãng có hiệu lực trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.
1.1.7	**Dịch vụ bảo vệ máy chủ đầu cuối (Endpoint Protection/EDR)**	- Giải pháp Cloud-native, Agent-based; hỗ trợ Windows Server và Linux; quản lý tập trung qua Console. - Chống mã độc thế hệ mới (NGAV) dựa trên Machine Learning và phân tích hành vi (IOA); ngăn chặn ransomware, fileless, exploit; bảo vệ cả khi máy chủ mất kết nối Internet. - Bản quyền đáp ứng tối thiểu theo số lượng máy chủ và hỗ trợ kỹ thuật chính hãng có hiệu lực trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.
1.1.8	**Dịch vụ HSM**	- Thiết bị HSM vật lý đạt chuẩn FIPS 140-2 Level 3 hoặc FIPS 140-3 Level 3 tương đương theo yêu cầu của Trung tâm xác thực RAR như: Thales Luna/Utimaco Se-Series/CryptoServer/Entrust nShield hoặc tương đương. - Định dạng mã hóa bản tin: Hệ thống phải hỗ trợ mã hóa bản tin theo chuẩn JSON Web Encryption (JWE). - Thuật toán quản lý khóa: Hỗ trợ thuật toán ECDH-ES+A128KW. - Thuật toán mã hóa nội dung: Hỗ trợ thuật toán A128GCM (AES-128-GCM). - Định dạng ký số bản tin: Hệ thống phải hỗ trợ ký số bản tin theo chuẩn JSON Web Signature (JWS). - Hỗ trợ đồng thời hai thuật toán: + ES256: ECDSA trên đường cong P-256, hàm băm SHA-256. + ES384: ECDSA trên đường cong P-384, hàm băm SHA-384.

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
		- Thiết bị vật lý hoặc cấp partition riêng độc lập từng khách hàng về mặt logic.
1.1.9	**Máy chủ AgentGateway (kết nối Trung tâm RAR)**	- Máy chủ vật lý cho 01 dịch vụ: CPU ≥ 32 Core, tốc độ ≥ 2 GHz; RAM ≥ 128 GB; 02 ổ SSD 1 TB chạy RAID 1; ≥ 02 cổng 1 Gbps. - Đáp ứng yêu cầu cài đặt theo yêu cầu Bản quyền phần mềm ảo hóa mục 1.2
1.2	**Yêu cầu kỹ thuật dịch vụ vận hành**	
1.2.1	**Hỗ trợ vận hành và dự phòng**	- Cung cấp giải pháp lưu trữ đầy đủ lịch sử giao dịch phục vụ công tác đối soát, kiểm tra, khắc phục và xử lý lỗi hệ thống. - Trang bị công cụ theo dõi, giám sát liên tục 24/7 tình trạng hoạt động của hệ thống để kịp thời phát hiện và cảnh báo sớm sự cố. - Cung cấp giải pháp sao lưu (Backup) và có phương án/kịch bản khôi phục dữ liệu nhanh chóng khi xảy ra thảm họa hoặc lỗi hệ thống. - Có cơ chế dự phòng và khôi phục để đảm bảo hệ thống vẫn hoạt động khi có phần tử bị lỗi.
1.2.2	**Hỗ trợ giám sát**	Hỗ trợ dịch vụ giám sát đảm bảo hệ thống vận hành ổn định thông suốt, kịp thời cảnh báo cho VBSE khi rủi ro có thể xảy ra để không làm gián đoạn dịch vụ.
1.2.3	**Hỗ trợ xử lý sự cố**	Hỗ trợ khi hệ thống có sự cố và kịp thời xử lý.
1.2.4	**Hỗ trợ đối soát**	Hỗ trợ cung cấp số liệu để VBSE đối chiếu với Portal Trung tâm RAR/C06.
1.2.5	**Hỗ trợ phối hợp làm việc với cơ quan quản lý**	Hỗ trợ làm việc với các cơ quan/đơn vị quản lý, đơn vị vận hành hạ tầng, đơn vị phát triển ứng dụng hiện tại của VBSE, an toàn thông tin, pháp chế ... liên quan tới toàn bộ hệ thống kết nối VNeID khi có yêu cầu.
1.2.6	**Bản quyền phần mềm ảo hóa**	- Hypervisor cài đặt sẵn yêu cầu tối thiểu Esxi 7.0 - Cung cấp bản quyền chính hãng và đầy đủ theo cấu hình máy chủ Agent Gateway - Thời hạn bản quyền tối thiểu 12 tháng kể từ ngày đưa vào triển khai chính thức cho hệ thống
2	**Yêu cầu đối với dịch vụ tư vấn và dịch vụ triển khai tích hợp**	
2.1	**Yêu cầu dịch vụ tư vấn**	

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
2.1.1	**Tiến độ và giải pháp chung**	- Nhà cung cấp đề xuất tổng thời gian thực hiện không quá 06 (sáu) tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực - Xây dựng kế hoạch triển khai tổng thể gồm khảo sát hiện trạng, tư vấn hồ sơ, phê duyệt/cấp thẩm quyền, chuẩn bị phần cứng, xây dựng môi trường, tích hợp, kiểm thử, nghiệm thu, bàn giao. - Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật sau triển khai, nêu rõ phạm vi hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, kênh tiếp nhận, SLA xử lý sự cố, vai trò trách nhiệm của VBSE, nhà cung cấp và các bên liên quan; có cam kết hỗ trợ bằng văn bản. - Hỗ trợ cập nhật phiên bản mới, bản vá lỗi, bản vá bảo mật và hướng dẫn áp dụng trong thời gian hiệu lực hợp đồng/bảo hành/bảo trì; nêu rõ điều kiện, phạm vi và quy trình cập nhật.
2.1.2	**Tư vấn hồ sơ đăng ký**	- Hỗ trợ VBSE xây dựng bộ hồ sơ đề xuất/kế hoạch triển khai kết nối VNeID để trình cấp có thẩm quyền. Hỗ trợ hoàn thiện, cập nhật hồ sơ theo ý kiến thẩm định/phê duyệt của cấp có thẩm quyền. - Hỗ trợ tư vấn và cung cấp thông tin đảm bảo hồ sơ đăng ký đáp ứng tuân thủ theo đúng yêu cầu của Trung tâm RAR/C06. Các hồ sơ bao gồm nhưng không giới hạn như: thuyết minh nhu cầu nghiệp vụ, phạm vi kết nối, kiến trúc giải pháp, mô hình luồng dữ liệu, phương án bảo mật, danh mục phần cứng/phần mềm, kế hoạch triển khai, kế hoạch kiểm thử và phương án vận hành...
2.1.3	**Tư vấn giải pháp kỹ thuật, mô hình kết nối**	Khảo sát hiện trạng hệ thống hiện tại của VBSE, luồng xác thực/định danh, cơ sở dữ liệu, người dùng, hạ tầng mạng, bảo mật, vận hành... để tư vấn làm rõ phạm vi nghiệp vụ cần kết nối VNeID. Xác định các hệ thống tham gia kết nối, dữ liệu trao đổi, API/Service, tần suất giao dịch, yêu cầu SLA và yêu cầu giám sát. Hỗ trợ tư vấn giải pháp kỹ thuật tuân thủ theo quy định của Trung tâm RAR và phù hợp với hệ thống công nghệ thông tin hiện tại của VBSE.
2.1.4	**Tư vấn quy trình nghiệp vụ áp dụng các dịch vụ xác thực VNeID**	Hỗ trợ tư vấn việc xây dựng các quy trình nghiệp vụ tuân thủ theo quy định đồng thời phù hợp với nghiệp vụ triển khai tại VBSE.
2.1.5	**Hỗ trợ làm việc với các bên liên quan**	Hỗ trợ làm việc với các cơ quan, đơn vị quản lý, đơn vị vận hành hạ tầng, đơn vị phát triển ứng dụng hiện tại của VBSE, đơn vị rà soát an toàn thông tin, pháp chế... liên quan tới toàn bộ hệ thống kết nối VNeID trong quá trình phát triển, sử dụng dịch vụ.

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
2.2	**Yêu cầu dịch vụ triển khai tích hợp**	
2.2.1	**Tính năng/kỹ thuật**	Hỗ trợ đầy đủ các dịch vụ kết nối VNeID của Trung tâm RAR/C06 cung cấp theo đúng tiêu chuẩn bao gồm: - Dịch vụ đăng nhập tài khoản VNeID (SSO). - Dịch vụ chia sẻ thông tin. - Dịch vụ xác thực thông tin từ hệ thống định danh và xác thực điện tử. - Dịch vụ xác thực khuôn mặt – Face Verification. - Dịch vụ chống giả mạo khuôn mặt – Liveness Detection.
		Dịch vụ tích hợp phải được thiết kế đảm bảo các chức năng, tiêu chuẩn: - Chuẩn hóa API & dữ liệu: + Cung cấp bộ API thống nhất, dễ tích hợp. + Chuẩn hóa cấu trúc request/response, danh sách mã lỗi đầy đủ chính xác. - Thiết kế dịch vụ đảm bảo quản lý luồng & điều phối dịch vụ: + Tự động xử lý các bước trung gian. + Kiểm soát trạng thái giao dịch. + Retry, timeout, fallback khi có lỗi. + Bảo mật & kiểm soát truy cập. + Mã hóa dữ liệu trong quá trình truyền. + Ghi log, audit phục vụ truy vết và tuân thủ. - Thiết kế có đủ giao diện và các chức năng hỗ trợ giám sát & vận hành: + Theo dõi lưu lượng, hiệu năng, tỷ lệ lỗi. + Cảnh báo sớm sự cố. + Báo cáo thống kê phục vụ quản lý và đối soát.
		- Hỗ trợ các chuẩn giao tiếp RESTful API, SOAP qua HTTPS; các giao thức/kết nối phù hợp như ORM/Database, SMTP, FTP/SFTP. Không sử dụng giao thức truyền tải không mã hóa trong môi trường vận hành. - Hỗ trợ các định dạng thông điệp JSON, XML, ISO và Text Delimiter; có khả năng ánh xạ, chuyển đổi, kiểm tra hợp lệ dữ liệu theo đặc tả của từng dịch vụ. - Cung cấp tài liệu API theo OpenAPI Specification (OAS)/Swagger UI; mô tả endpoint, phương thức, schema, trường dữ liệu, mã lỗi, xác thực, giới hạn gọi, ví dụ request/response và phiên bản.

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
		- Hỗ trợ xác thực, ủy quyền API bằng OAuth 2.0, OpenID Connect hoặc JWT; có kiểm soát truy cập, phân quyền, rate limiting và cơ chế bảo vệ trước các yêu cầu bất thường. - Có cơ chế timeout, retry có kiểm soát, chống gửi trùng/idempotency phù hợp, xử lý lỗi, hàng đợi (nếu áp dụng), lưu vết giao dịch và khả năng tra cứu trạng thái. - Cung cấp SDK/Web Service/API phục vụ tích hợp hệ thống nội bộ, mã nguồn mẫu, hướng dẫn tích hợp, hướng dẫn kiểm thử SDK và mô tả chi tiết cấu trúc/trường dữ liệu VNeID. - Đáp ứng lượng TPS lớn, sẵn sàng mở rộng hệ thống khi VBSE có nhu cầu, Zero-downtime khi thực hiện cập nhật dịch vụ.
2.2.2	**An toàn thông tin và tối ưu hệ thống**	- Phối hợp đánh giá Pentest (bên thứ 3) theo đúng quy định khi liên kết VNeID của Trung tâm RAR/C06 tương ứng với các dịch vụ đăng ký nghiệm thu của VBSE. - Hỗ trợ đánh giá tổng quan hiện trạng an toàn thông tin cho hệ thống tại VBSE liên quan tới liên kết VNeID, xác định lớp bảo vệ cần bổ sung theo yêu cầu VNeID và đề xuất phương án khắc phục. - Rà soát kiến trúc hệ thống. - Kiểm tra các thành phần ứng dụng và API để phát hiện các điểm cần cải thiện trong thiết kế và triển khai. - Đối chiếu với các khuyến nghị phát triển phần mềm an toàn phổ biến như OWASP và các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật liên quan. - Hỗ trợ tư vấn khắc phục các lỗ hổng bảo mật theo Đánh giá an toàn thông tin và các yêu cầu xử lý liên quan. - Đưa ra khuyến nghị kỹ thuật nhằm tối ưu hiệu năng, tăng cường độ ổn định và nâng cao chất lượng phần mềm.
2.2.3	**Kiểm thử, nghiệm thu**	- Cung cấp bộ kịch bản kiểm thử nghiệp vụ, kỹ thuật, bảo mật, hiệu năng và vận hành các dịch vụ cho kết nối VBSE - VNeID của Trung tâm RAR/C06 - Xây dựng tiêu chí nghiệm thu cho hồ sơ, phần cứng, môi trường, tích hợp ứng dụng, kiểm thử và vận hành.
2.2.4	**Đào tạo kỹ thuật**	- Đào tạo cho đội ngũ nhân sự Công nghệ thông tin và nghiệp vụ của VBSE về kiến trúc giải pháp, quy trình vận hành, giám sát, xử lý sự cố, quản lý khóa/chứng thư, cấu hình HSM, kết nối Gateway, log/audit và quy trình phối hợp với đơn vị VNeID, hướng dẫn vận hành, hướng dẫn kiểm tra định kỳ, quy trình sao lưu/phục hồi (backup/restore) cấu hình và quy trình quản lý thay đổi.

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
		- Thực hiện đào tạo trực tiếp (hands-on training) trên môi trường thực tế hoặc môi trường mô phỏng theo yêu cầu VBSE.
2.2.5	**Tài liệu bàn giao**	- Bàn giao tài liệu hệ thống như: mô tả kiến trúc, sơ đồ hệ thống kết nối... - Bàn giao tài liệu hướng dẫn cài đặt, cấu hình ban đầu,... - Bàn giao tài liệu hướng dẫn quản trị, vận hành, giám sát, sao lưu/phục hồi (backup/restore), quản lý tài khoản/quyền, quản lý khóa/chứng thư, xử lý sự cố và quy trình phối hợp. - Bàn giao tài liệu hướng dẫn thiết lập, hiệu chỉnh và tối ưu các tham số cấu hình, hiệu năng, bảo mật, giám sát, logging, timeout, retry và giới hạn tải.
2.3	**Yêu cầu dịch vụ triển khai đánh giá an ninh an toàn**	- Khảo sát và thiết kế giải pháp: Nhà cung cấp thực hiện khảo sát hiện trạng, thu thập yêu cầu, tư vấn và xây dựng thiết kế kiến trúc tổng thể, thiết kế chi tiết cho hệ thống hạ tầng phục vụ kết nối, khai thác dịch vụ xác thực điện tử qua VNeID. - Triển khai hạ tầng hệ thống: Thực hiện cài đặt, cấu hình và tích hợp các thành phần hạ tầng điện toán đám mây, máy chủ, nền tảng ảo hóa, lưu trữ và mạng theo phương án thiết kế được phê duyệt. - Triển khai hệ thống kết nối: Cài đặt, cấu hình các thành phần hạ tầng phục vụ module kết nối tới Trung tâm xác thực (TTXT), bao gồm các thành phần liên quan đến bảo mật và quản lý khóa mật mã (HSM). - Triển khai các giải pháp an toàn thông tin: Cài đặt, cấu hình và tích hợp các giải pháp bảo mật hệ thống, bao gồm tường lửa (FW), tường lửa ứng dụng Web (WAF), bảo vệ thiết bị đầu cuối (EDR) và các chính sách kiểm soát truy cập. - Triển khai hệ thống giám sát: Cài đặt, cấu hình hệ thống giám sát tập trung, thu thập thông tin trạng thái hoạt động, tài nguyên hệ thống và thiết lập các cơ chế cảnh báo phục vụ vận hành. - Tích hợp và kiểm thử hệ thống: Phối hợp với các bên liên quan để tích hợp, kiểm tra kết nối, tối ưu cấu hình và thực hiện kiểm thử các thành phần hệ thống nhằm bảo đảm khả năng hoạt động ổn định, an toàn và đáp ứng yêu cầu kết nối TTXT/VNeID.

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ
		- Phối hợp đánh giá và hoàn thiện yêu cầu an toàn thông tin: Phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình rà soát, đánh giá, khắc phục và hoàn thiện hệ thống theo các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thông tin áp dụng cho việc kết nối dịch vụ. - Nghiệm thu, bàn giao và chuyển giao công nghệ: Thực hiện kiểm thử nghiệm thu, bàn giao hồ sơ thiết kế, tài liệu cấu hình, tài liệu hoàn công, hướng dẫn vận hành và đào tạo chuyển giao công nghệ cho đội ngũ kỹ thuật của VBSE.

4. Thành phần của HSĐX

HSĐX do Nhà thầu chuẩn bị bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo **Mẫu số 01**, Bảng tổng hợp giá chào theo **Mẫu số 02**, Bảng giá chào của hàng hóa theo **Mẫu số 03 Chương III**;

2. Hồ sơ năng lực kinh nghiệm theo quy định tại **Mục 2**.

3. Đề xuất kỹ thuật: theo quy định tại **Mục 3**.

4. Đề xuất tài chính: Nhà thầu đưa ra mức giá đề xuất và nêu điều kiện thanh toán cho toàn bộ các dịch vụ trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 3; Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện.

5. Thời gian có hiệu lực của HSĐX:

Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 40 ngày, kể từ hạn cuối nhận HSĐX.

6. Nộp, tiếp nhận HSĐX

- Nhà thầu phải gửi 01 bản gốc cùng 01 bản chụp đến Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank chậm nhất là 10 giờ 00 phút ngày 09 tháng 11 năm 2026.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSĐX của nhà thầu bị loại.

7. Đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng

Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại **Mục 4, Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu**;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank;

e) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại **Mục 5, Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu**;

g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại **Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu**.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt để đánh giá năng lực và kinh nghiệm theo **Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu**.

3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là Đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 02: Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Mục	Nội dung yêu cầu – Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Đặc tính, yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ**		
1	Đặc tính, yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ tại Mục 3.3 [Yêu cầu kỹ thuật] Chương I HSYC	Có Bảng đề xuất đặc tính kỹ thuật của dịch vụ[1] đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Mục 3.3 Chương I HSYC	Không có Bảng đề xuất hoặc đề xuất đặc tính kỹ thuật của dịch vụ không đáp ứng một trong các yêu cầu tại Mục 3.3 Chương I HSYC
B	**Tiến độ cung cấp dịch vụ**		
1	Thời gian triển khai cung cấp dịch vụ	≤ 06 tháng	> 06 tháng
2	Tiến độ triển khai cung cấp dịch vụ (bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như: khảo sát hiện trạng, tư vấn hồ sơ, phê duyệt/cấp thẩm	Có bảng tiến độ cung cấp dịch vụ chi tiết hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất giải pháp kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC	Không có bảng tiến độ cung cấp dịch vụ hoặc có nhưng không chi tiết, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đáp ứng HSYC

[1] *Bảng đề xuất đặc tính kỹ thuật của dịch vụ lập theo Mẫu số 04 HSYC*

Mục	Nội dung yêu cầu – Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
	quyền, chuẩn bị phần cứng, xây dựng môi trường, tích hợp, kiểm thử, đào tạo, nghiệm thu bàn giao)		
3	Biện pháp kiểm soát rủi ro để đảm bảo tiến độ cung cấp dịch vụ	Có thuyết minh biện pháp kiểm soát rủi ro để đảm bảo tiến độ cung cấp dịch vụ hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất giải pháp kỹ thuật	Không có thuyết minh biện pháp kiểm soát rủi ro để đảm bảo tiến độ cung cấp dịch vụ hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đáp ứng yêu cầu của HSYC
C	**Giải pháp kỹ thuật cung cấp dịch vụ**		
1	Giải pháp kỹ thuật kết nối với trung tâm xác thực điện tử	Có giải pháp kỹ thuật tổ chức kết nối với trung tâm xác thực điện tử hợp lý, khả thi, đáp ứng HSYC	Không có giải pháp kỹ thuật tổ chức kết nối với trung tâm xác thực điện tử hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng HSYC
2	Giải pháp kỹ thuật triển khai tích hợp	Có giải pháp kỹ thuật triển khai tích hợp hợp lý, khả thi, đáp ứng HSYC	Không có giải pháp kỹ thuật triển khai tích hợp hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng HSYC
3	Giải pháp kỹ thuật an toàn thông tin và tối ưu hệ thống	Có giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin và tối ưu hệ thống hợp lý, khả thi, đáp ứng HSYC	Không có giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin và tối ưu hệ thống hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng HSYC
4	Giải pháp kỹ thuật triển khai đánh giá an ninh an toàn	Có giải pháp kỹ thuật triển khai đánh giá an ninh an toàn hợp lý, khả thi, đáp ứng HSYC	Không có giải pháp kỹ thuật triển khai đánh giá an ninh an toàn hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng HSYC
5	Giải pháp kiểm thử, nghiệm thu	Giải pháp kiểm thử, nghiệm thu hợp lý, khả thi, đáp ứng HSYC	Không có giải pháp kiểm thử, nghiệm thu hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng HSYC
6	Giải pháp hỗ trợ vận hành và dự phòng, hỗ trợ	Có giải pháp hỗ trợ vận hành và dự phòng, hỗ trợ giám sát, hỗ	Không có một trong các giải pháp hỗ trợ vận hành và dự phòng/hỗ trợ giám sát/hỗ trợ

Mục	Nội dung yêu cầu – Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
	giám sát, hỗ trợ xử lý sự cố, hỗ trợ đối soát	trợ xử lý sự cố, hỗ trợ đối soát hợp lý, khả thi	xử lý sự cố/hỗ trợ đối soát hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng HSYC
7	Hỗ trợ kỹ thuật sau triển khai	Có giải pháp hỗ trợ (bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung: phạm vi hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, kênh tiếp nhận, SLA xử lý sự cố, vai trò trách nhiệm của VBSE, nhà cung cấp và các bên liên quan) khả thi, hợp lý	Không có giải pháp hỗ trợ kỹ thuật hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng HSYC
8	Hỗ trợ cập nhật phiên bản mới, bản vá lỗi, bản vá bảo mật	Nêu rõ điều kiện, phạm vi, quy trình, thời gian áp dụng cho việc cập nhật phiên bản mới, bản vá lỗi, bản vá bảo mật	Không đề xuất điều kiện/phạm vi/quy trình/thời gian áp dụng cho việc cập nhật phiên bản mới/bản vá lỗi/bản vá bảo mật hoặc có nhưng không đáp ứng HSYC
D	**Về đào tạo, hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ**		
1	Kế hoạch và nội dung đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ	Đề xuất kế hoạch cụ thể và nội dung đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ chi tiết, hợp lý, khả thi, đáp ứng yêu cầu của HSYC	Không đề xuất kế hoạch cụ thể/ nội dung đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng HSYC
2	Tài liệu bàn giao	Cam kết bằng văn bản về việc bàn giao cho VBSE đầy đủ tài liệu quy định tại STT 2.2.5 Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC	Không có văn bản cam kết hoặc văn bản cảm kết không đáp ứng đầy đủ quy định tại STT 2.2.5 Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC
E	**Biện pháp đảm bảo chất lượng**		
1	Tổ chức bộ máy quản lý nhân sự thực hiện Khoản mua sắm	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự thực hiện Khoản mua sắm và thuyết minh sơ đồ trong đó mô tả rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng bộ phận, vị trí công việc từng cán bộ chủ chốt thực hiện các công việc chính trong Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC	Không có sơ đồ tổ chức hoặc thuyết minh hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu của HSYC

Mục	Nội dung yêu cầu – Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
2	Yêu cầu về khả năng huy động nhân sự thực hiện Khoản mua sắm	Nhà thầu có văn bản cam kết bố trí nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp và nhiều năm kinh nghiệm trong thực hiện các công việc tương tự để tham gia thực hiện Khoản mua sắm	Không có văn bản cam kết bố trí nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp và kinh nghiệm trong thực hiện các công việc tương tự để tham gia thực hiện Khoản mua sắm
3	Biện pháp quản lý, giám sát chất lượng các công tác: (i) Cung cấp dịch vụ hạ tầng và bản quyền phần mềm ảo hóa, (ii) Cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai tích hợp	Nhà thầu có biện pháp quản lý, giám sát chất lượng các công tác: (i) Cung cấp dịch vụ hạ tầng và bản quyền phần mềm ảo hóa, (ii) Cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai tích hợp hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật	Không có biện pháp quản lý, giám sát chất lượng công tác Cung cấp dịch vụ hạ tầng và bản quyền phần mềm ảo hóa/Cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai tích hợp hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đáp ứng HSYC
F	**Yêu cầu khác**		
1	Cam kết bằng văn bản của Nhà thầu	Có văn bản cam kết đáp ứng các nội dung sau: - Cam kết chất lượng dịch vụ quy định tại STT 1.1.1 Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC - Dịch vụ Nhà thầu cung cấp cho phép triển khai trên các thiết bị đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật do VBSE tự trang bị. - Hỗ trợ phối hợp làm việc với cơ quan quản lý quy định tại STT 1.2.5 Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC - Cung cấp bản quyền chính hãng và đầy đủ theo cấu hình máy chủ Agent Gateway - Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho VBSE sau triển khai	Không có văn bản cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng/không đầy đủ theo HSYC

Cam kết bằng văn bản phải được ký bởi Đại diện hợp pháp/Người được ủy quyền theo quy định của Nhà thầu.

Mục	Nội dung yêu cầu – Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
		- Hỗ trợ VBSE cập nhật phiên bản mới, bản vá lỗi, bản vá bảo mật - Tư vấn hồ sơ đăng ký theo quy định tại STT 2.1.2 Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC - Tư vấn quy trình nghiệp vụ áp dụng các dịch vụ xác thực VNeID theo quy định tại STT 2.1.4 Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC - Hỗ trợ làm việc với các bên liên quan theo quy định tại STT 2.1.5 Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC *Lưu ý:* *- Trường hợp liên danh: Từng thành viên trong liên danh phải cam kết đáp ứng các yêu cầu của HSYC tương ứng với phần công việc đảm nhận.*	
H	**Uy tín của nhà thầu**		
1	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu: - Nhà thầu không có hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở hoàn thành do lỗi của Nhà thầu; - Nhà thầu không có hợp đồng được đánh giá về chất lượng dịch vụ không đảm bảo do lỗi của Nhà thầu; - Nhà thầu không vi phạm hợp đồng, bị Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu. *Lưu ý:* *- Nhà thầu cam kết thông tin kê khai là trung thực. Trường hợp Bên mời thầu phát hiện Nhà*	Nhà thầu hoặc một trong các thành viên trong liên danh (đối với trường hợp liên danh để tham dự thầu) không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ, không đáp ứng yêu cầu của HSYC

Mục	Nội dung yêu cầu – Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
		thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận theo quy định của pháp luật về đấu thầu và HSĐX của Nhà thầu bị loại.	
Kết luận		**Đạt tất cả các yêu cầu nêu trên**	**Có một nội dung được xác định là không đạt**

4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Sử dụng phương pháp giá thấp nhất để đánh giá về tài chính

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSĐX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi: Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm

trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSĐX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu này; trường hợp HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Chương III. CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày: … *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: ... *[Ghi tên gói thầu theo HSYC]*

Kính gửi: *Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank*

Sau khi nghiên cứu HSYC và văn bản sửa đổi HSYC số … *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi nhận được, chúng tôi, … *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại … *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu … *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của HSYC với tổng số tiền là … *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2]cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là … *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đầu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC (nếu có).

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong …. ngày *[Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng HSYC]*, kể từ

ngày … tháng … năm … *[Ghi ngày có hạn cuối nộp HSĐX theo HSYC].*

Đại diện hợp pháp của nhà thầu[4]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền)

Mẫu số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào (VNĐ)
1	Dịch vụ kết nối với hệ thống trung tâm xác thực điện tử	
	Tổng hợp giá chào *(Kết chuyển sang Đơn chào hàng)*	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03

BẢNG GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Quy cách	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thuế VAT	Đơn giá sau thuế	Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)=(5)*(8)	(10)
	Dịch vụ kết nối với hệ thống trung tâm xác thực điện tử								
1	Dịch vụ hạ tầng và bản quyền phần mềm								
1.1	Dịch vụ hạ tầng		Tháng	12					
1.2	Bản quyền phần mềm ảo hóa		Gói 12 tháng	1					

STT	Nội dung	Quy cách	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thuế VAT	Đơn giá sau thuế	Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)=(5)*(8)	(10)
2	Dịch vụ tư vấn và triển khai tích hợp								
2.1	Dịch vụ tư vấn		Gói	1					
2.2	Dịch vụ triển khai tích hợp		Gói	1					
2.3	Dịch vụ triển khai và đánh giá An ninh an toàn		Gói	1					
	Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) *(Kết chuyển sang Bảng tổng hợp giá chào)*							**(M) = (M1)+(M2)**	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Nhà thầu nhập thông tin tại Cột 3, Cột 6 và Cột 7 của Bảng giá chào.

Mẫu số 04

BẢNG ĐỀ XUẤT ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA DỊCH VỤ

STT	Nội dung	Mô tả dịch vụ tại Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I HSYC	Đề xuất của Nhà thầu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
…				
2				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Cột 2 và Cột 3: Nhà thầu ghi lại thông tin tương ứng tại Bảng số 01, Mục 3.3, Chương I của HSYC.

Mẫu số 05

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Khoản mua sắm: ___

Căn cứ hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số __ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]*

Khoản mua sắm __ do Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank phát hành ngày __

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___

Số đăng ký doanh nghiệp: ___

Đại diện là ông/bà: ___

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:____

Số đăng ký doanh nghiệp: ___

Đại diện là ông/bà: ___

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n:____

Số đăng ký doanh nghiệp: ___

Đại diện là ông/bà: ___

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu Khoản mua sắm ___.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến Khoản mua sắm này là: _____ *[ghi tên của liên danh]*

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ *[ghi rõ hình thức xử lý khác].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện Khoản mua sắm ___ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh: Các bên nhất trí phân công _____ *[Ghi tên nhà thầu]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau (1):

- Nộp hồ sơ đề xuất cho cả liên danh;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ đề xuất;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ *[ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây (2):

STT	Tên nhà thầu	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	*[Ghi tên nhà thầu]*	…	… %
2	*[Ghi tên nhà thầu]*	…	… %
…	…	…	… %
	Tổng cộng	**Toàn bộ công việc của Khoản mua sắm**	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy thầu Khoản mua sắm ___.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu(3)

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(2) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu tại Bảng số 01 Mục 3.3 Chương I của HSYC, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

(3) Thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của các Nhà thầu trong liên danh ký tên, đóng dấu. Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền).

Mẫu số 06

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

…, ngày … tháng … năm …

Hợp đồng số: …

Gói thầu: … *[Ghi tên gói thầu]*

- Căn cứ *[Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];*
- Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu Khoản mua sắm ... *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo KQLCNT số ... ngày ... tháng ... năm ... của [*Bên mời thầu*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là Ông/Bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số … ngày … tháng … năm … *(trường hợp được ủy quyền).*

Bên B: Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:*

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là Ông/Bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số … ngày … tháng … năm … *(trường hợp được ủy quyền)* hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc kết nối với hệ thống trung tâm xác thực điện tử, chi tiết theo Phụ lục kèm theo Hợp đồng này

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A

[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng]

Điều 3. Trách nhiệm của Bên B

[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp]

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng (đã bao gồm VAT): *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].*

2. Phương thức thanh toán :

a) Hình thức thanh toán: *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].*

b) Thời hạn thanh toán: *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].*

c) Số lần thanh toán: *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].*

Điều 5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].*

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].*

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Bên A hoặc Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được hai Bên gia hạn (nếu có);

b) Bên A hoặc Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A hoặc Bên B không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A hoặc Bên B được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Chất lượng dịch vụ

[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].

Điều 10. Kiểm thử, nghiệm thu

[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].*

Điều 12. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng

- Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại hợp đồng này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A sẽ khấu trừ vào giá thanh toán hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng …. %/ngày *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng]* cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Tổng số tiền phạt vi phạm không quá …% giá trị hợp đồng *[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].*

- Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều … hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại: trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 13. Bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các Bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

2. Bên B không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

3. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (i) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này; (ii) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một Bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 14. Bảo mật thông tin

[Quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng].

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai Bên đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp đồng và ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú: *Trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các Bên có thể thỏa thuận bổ sung các điều khoản hợp đồng để bảo đảm phù hợp với quy mô, tính chất và yêu cầu thực tế của Khoản mua sắm trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.*